

XUẤT KHẨU THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG EU 10 THÁNG NĂM 2023

TIẾP TỤC SỤT GIẢM

THÁNG 10
2023

Đơn vị thực hiện:

**VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

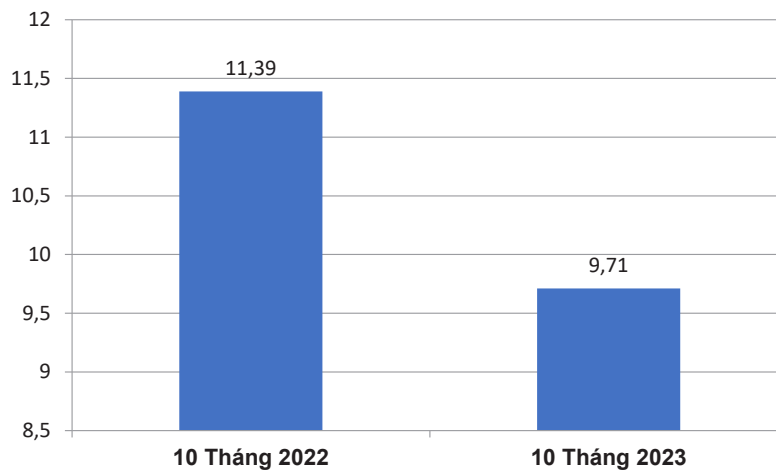
 024. 22 205 420 - 024. 22 202 245

 wto_mtpd@moit.gov.vn

 <https://fta.gov.vn>

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU trong tháng 10/2023 đạt 78,25 triệu USD, tăng 2,63% so với tháng trước đó và giảm 21,71% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 10 tháng đầu năm 2023, Việt Nam xuất khẩu tổng 788,67 triệu USD mặt hàng thủy sản, giảm 30,71% so với cùng kỳ 2022. Như vậy, tính riêng 10 tháng đầu năm 2023, tỷ trọng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU chiếm 9,71% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của nước ta và chiếm 1,99% tổng kim ngạch hàng hoá của nước ta xuất khẩu sang EU.

Tỷ trọng xuất khẩu thủy sản sang EU trên tổng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2022-2023



Đức hiện là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 16,35 triệu USD vào tháng 10/2023, giảm 8,38% so với tháng trước đó và giảm 16,94% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 10 tháng đầu năm, Việt Nam xuất khẩu sang Đức tổng 156,24 triệu USD mặt hàng thủy sản, giảm 28,57% so với cùng kỳ 2022, chiếm tỷ trọng 19,81% trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của nước ta sang thị trường EU, cao hơn mức, tỷ trọng 19,22% của cùng kỳ 2022.

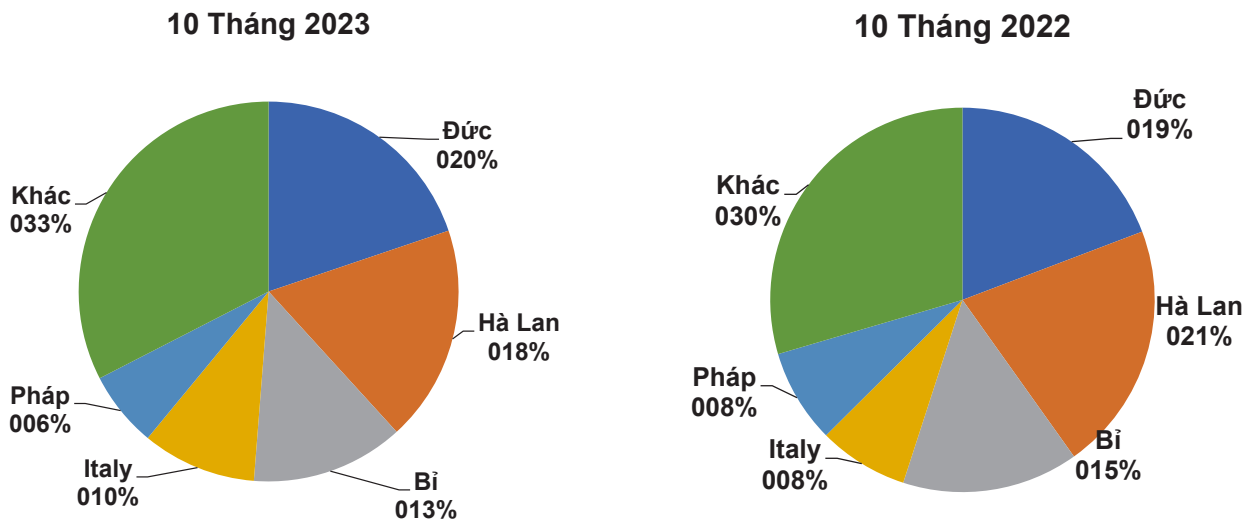
Thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU 10 tháng đầu năm 2023

Thị trường XK	Tháng 10/2023 (Nghìn USD)	So với Tháng 9/2023 (%)	So với Tháng 10/2022 (%)	10 Tháng 2023 (Nghìn USD)	So với 10 Tháng 2022 (%)	Tỷ trọng 10 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 10 Tháng 2022 (%)
Đức	16.358,88	-8,38	-16,94	156.243,84	-28,57	19,81	19,22
Hà Lan	11.774,02	-3,08	-29,39	145.241,89	-39,03	18,42	20,93
Bỉ	10.256,55	-9,61	-7,37	102.583,45	-39,27	13,01	14,84
Italy	10.432,10	18,54	32,52	76.836,82	-10,84	9,74	7,57
Pháp	4.584,41	30,76	-53,54	50.994,01	-43,20	6,47	7,89

Thị trường XK	Tháng 10/2023 (Nghìn USD)	So với Tháng 9/2023 (%)	So với Tháng 10/2022 (%)	10 Tháng 2023 (Nghìn USD)	So với 10 Tháng 2022 (%)	Tỷ trọng 10 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 10 Tháng 2022 (%)
Tây Ban Nha	4.825,81	20,02	-35,80	49.325,03	-32,77	6,25	6,45
Ba Lan	3.771,52	7,80	9,54	36.317,45	-9,36	4,60	3,52
Đan Mạch	3.043,56	-0,17	-19,73	34.079,65	-47,32	4,32	5,68
Lit-va	3.871,91	52,21	-42,88	27.197,28	-17,49	3,45	2,90
Bồ Đào Nha	2.860,57	13,65	-43,08	27.926,08	-25,48	3,54	3,29
Romania	1.068,13	-31,94	-24,19	19.284,75	-6,66	2,45	1,82
Thụy Điển	1.379,91	27,48	-35,05	15.343,47	-24,87	1,95	1,79
Phần Lan	1.321,39	48,75	269,78	12.771,56	363,04	1,62	0,24
Hy Lạp	246,51	-2,35	-71,80	6.059,94	-24,14	0,77	0,70
Ireland	976,30	34,35	47,53	5.104,69	-31,17	0,65	0,65
Síp	47,54	-88,61	-88,65	4.084,93	-39,58	0,52	0,59
Croatia	224,08	-45,27	-67,70	4.029,06	-26,17	0,51	0,48
Latvia	709,18	406,16	102,49	3.329,61	-7,20	0,42	0,32
Slovenia	186,89	-56,85	-78,36	3.292,30	-32,86	0,42	0,43
Hungary	171,19	-52,92	53,50	2.518,73	9,33	0,32	0,20
CH Séc	91,28	27,82	-60,02	2.046,37	-7,40	0,26	0,19
Bulgaria	-	-100,00		1.888,06	28,71	0,24	0,13
Malta	57,19	-61,01		956,75	45,98	0,12	0,06
Estonia	-			786,37	10,67	0,10	0,06
Áo	-		-100,00	428,22	-12,75	0,05	0,04
Tổng	78.258,92	2,63	-21,71	788.670,30	-30,71	100,00	100,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản trong tháng 10 tháng đầu năm 2023 (% tính theo trị giá, ĐVT: USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Tôm vẫn là chủng loại thủy sản Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang EU trong 10 tháng đầu năm 2023.

Đứng đầu trong nhóm chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang EU 10 tháng đầu năm 2023 là mặt hàng tôm (mã HS 030617) với kim ngạch trong tháng 10/2023 đạt 23,67 triệu USD, tăng 4,42% so với tháng trước đó và giảm 9,56% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 10 tháng đầu năm, Việt Nam xuất khẩu sang EU tổng 194,95 triệu USD mặt hàng tôm, giảm 42,68% so với cùng kỳ 2022, chiếm tỷ trọng 24,27% trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của nước ta sang EU, thấp hơn mức tỷ trọng 29,88% của cùng kỳ 2022.

Chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong 10 tháng năm 2023

Mã HS	Tháng 10/2023 (Nghìn USD)	So với Tháng 9/2023 (%)	So với Tháng 10/2022 (%)	10 Tháng 2023 (Nghìn USD)	So với 10 Tháng 2022 (%)	Tỷ trọng 10 tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 10 Tháng 2022 (%)
030617	23.678,41	4,42	-9,56	194.957,11	-42,68	24,72	29,88
030462	11.209,88	-18,83	-11,69	129.883,21	-19,75	16,47	14,22
160529	8.472,46	0,44	-44,51	88.751,47	-52,79	11,25	16,52
160414	8.829,28	7,79	-7,81	71.815,87	28,43	9,11	4,91
030487	5.001,14	6,64	-33,72	55.336,86	-28,70	7,02	6,82
160521	5.190,65	2,03	-18,34	47.752,51	-42,68	6,05	7,32
160556	4.898,49	-3,63	-18,19	47.533,63	-27,84	6,03	5,79

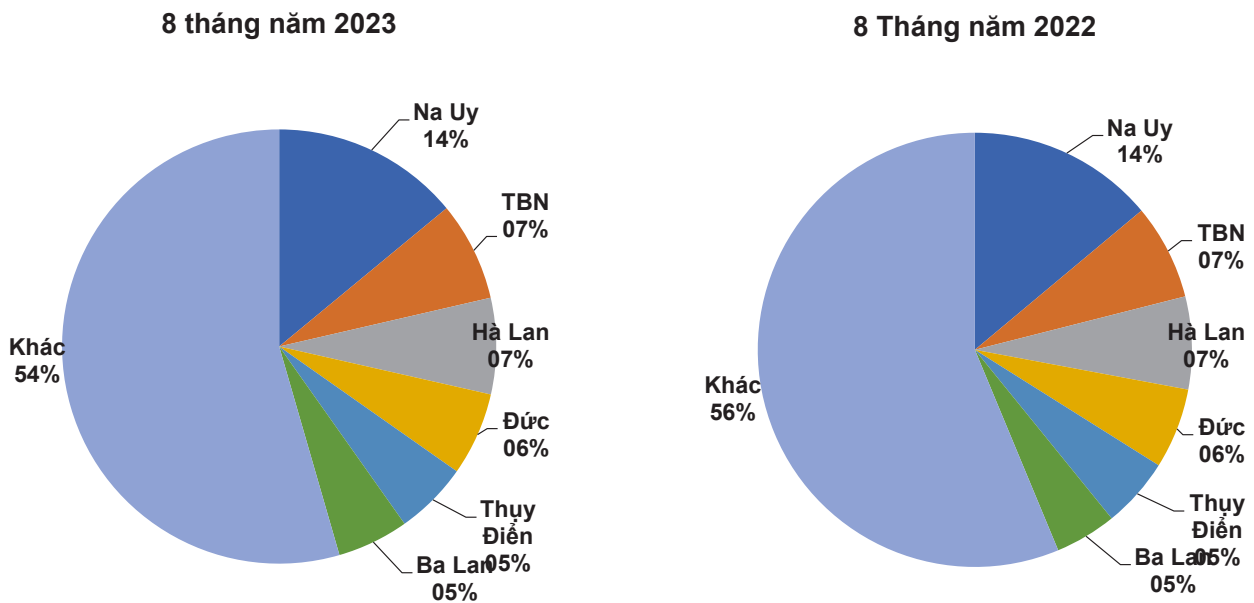
Mã HS	Tháng 10/2023 (Nghìn USD)	So với Tháng 9/2023 (%)	So với Tháng 10/2022 (%)	10 Tháng 2023 (Nghìn USD)	So với 10 Tháng 2022 (%)	Tỷ trọng 10 tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 10 Tháng 2022 (%)
030743	2.124,07	26,43	-58,24	24.505,45	-45,37	3,11	3,94
030499	1.705,92	77,56	-26,97	11.187,90	-2,41	1,42	1,01
030471	501,07	315,51	58,89	9.099,12	47,69	1,15	0,54
030489	1.058,57	49,71	-42,79	7.772,45	-42,62	0,99	1,19
030722	170,30	-47,51	-77,11	7.441,87	-30,08	0,94	0,94
030324	1.022,25	63,67	59,19	7.438,02	-27,20	0,94	0,90
160420	501,62	333,14	-60,56	6.394,91	6,75	0,81	0,53
030752	293,78	-53,97	-76,26	6.299,16	-40,74	0,80	0,93
160419	421,86	16,57	16,63	5.325,45	-2,01	0,68	0,48
030342	-			5.122,97	105,68	0,65	0,22
160510	411,81	-47,06	65,41	3.502,03	-44,11	0,44	0,55
160554	271,53	113,58	-58,53	3.396,81	-55,48	0,43	0,67
030559	93,51	-78,70	-36,97	3.326,17	31,04	0,42	0,22
030323	230,42	21,07	5,82	2.892,63	-28,84	0,37	0,36
030389	717,75	95,95	599,09	2.763,14	51,37	0,35	0,16
210390	288,15	6,05	124,04	2.404,13	42,39	0,30	0,15
030483	254,42		110,27	1.879,68	338,52	0,24	0,04
160555	233,26	128,08	-39,24	1.195,25	-42,41	0,15	0,18
160416	-			1.144,51	315,08	0,15	0,02
030481	-	-100,00		829,48	176,37	0,11	0,03
030111	99,36	23,75	-41,72	740,31	-56,38	0,09	0,15
Tổng	78.258,92	2,63	-21,71	788.670,30	-30,71	100,00	100,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Thông tin tham khảo

Theo số liệu thống kê từ Trademap, trong tháng 8/2023, thị trường EU tăng nhẹ nhập khẩu mặt hàng thủy sản, cụ thể trị giá nhập khẩu thủy sản của EU trong tháng 8/2023 đạt 6,12 tỷ USD, tăng 1,16% so với tháng trước đó và tăng 1,05% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm, EU nhập khẩu tổng 49,02 tỷ USD mặt hàng thủy sản, tăng 2,99% so với cùng kỳ năm 2022.

Cơ cấu các thị trường EU nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 8 và 8 tháng năm 2023 (% tính theo trị giá, ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: trademap

Trong tháng 8/2023, EU nhập khẩu từ Việt Nam tổng 86,47 triệu USD mặt hàng thủy sản, tăng 10,95% so với tháng trước đó và giảm 29,98% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm, EU nhập khẩu từ Việt Nam tổng 653,52 triệu USD mặt hàng thủy sản, giảm 31,04% so với cùng kỳ 2022, chiếm tỷ trọng 1,33% trong tổng kim ngạch nhập khẩu thủy sản của toàn EU, thấp hơn mức tỷ trọng là 1,99% của cùng kỳ năm 2022. Với kết quả này, Việt Nam hiện là nguồn cung thủy sản lớn thứ 17 của EU